



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 109 + 110

Ngày 15 tháng 02 năm 2025

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- |             |  |    |
|-------------|--|----|
| 14-11-2024- | Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND quy định các tiêu chí, lĩnh vực, nội dung hỗ trợ thử nghiệm có kiểm soát giải pháp công nghệ mới trong phạm vi Khu Công nghệ cao, Khu Công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.  | 5  |
| 14-11-2024- | Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND bãi bỏ Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành mức thu lệ phí cấp mới (đăng ký lần đầu tại Việt Nam) giấy đăng ký kèm theo biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 13 |

- 11-12-2024- Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ban hành quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục đặt hàng, giao nhiệm vụ quản lý khai thác, vận hành các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 15
- 11-12-2024- Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND quy định các tiêu chí để quyết định đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc trường hợp quy định tại khoản 27 Điều 79 Luật Đất đai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 23
- 11-12-2024- Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND quy định về chính sách đặc thù hỗ trợ trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố Hồ Chí Minh. 26
- 11-12-2024- Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ đặc thù đối với khoản bảo vệ rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 33
- 11-12-2024- Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố. 36
- 11-12-2024- Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND quy định về thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh. 46

- 11-12-2024- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND về điều chỉnh chủ thể thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh. 49
- 11-12-2024- Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ người sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tàu điện và chính sách hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tàu điện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 52
- 11-12-2024- Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND bãi bỏ Nghị quyết số 39/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quản lý và mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp. 56
- 11-12-2024- Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND quy định các lĩnh vực ưu tiên; tiêu chí, điều kiện, nội dung hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có thu nhập phát sinh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp. 58

- 11-12-2024- Nghị quyết số 32/2024/NQ-HĐND quy định mức chi đặc thù cho Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ; lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập trong các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 65
- 11-12-2024- Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND quy định mức thù lao hàng tháng và mức hỗ trợ đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 70
- 11-12-2024- Nghị quyết số 34/2024/NQ-HĐND bãi bỏ Nghị quyết số 47/2006/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng nhân dân Thành phố về thực hiện một số chế độ, chính sách đối với người sau cai nghiện ma túy tại cơ sở chữa bệnh của Thành phố. 73
- 11-12-2024- Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số chính sách khuyến khích giáo viên, học sinh, học viên đoạt giải trong các kỳ thi cấp thành phố, quốc gia, khu vực, quốc tế và giáo viên có thành tích đào tạo, bồi dưỡng các học sinh, học viên đoạt các giải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 75



# VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/2024/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2024

### NGHỊ QUYẾT

Quy định các tiêu chí, lĩnh vực, nội dung hỗ trợ thử nghiệm  
có kiểm soát giải pháp công nghệ mới trong phạm vi Khu Công nghệ cao,  
Khu Công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật  
ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội  
về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ  
quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 05 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về khu công nghệ thông tin tập trung;

Căn cứ Quyết định số 145/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;

Căn cứ Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BQP ngày 12 tháng 02 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng về quy định tiêu chuẩn đủ điều kiện bay; tiêu chuẩn, thủ tục cấp giấy phép cho cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ; khai thác tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ;

*Xét Tờ trình số 7134/TTr-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các tiêu chí, lĩnh vực, nội dung hỗ trợ thử nghiệm có kiểm soát giải pháp công nghệ mới trong phạm vi Khu Công nghệ cao, Khu Công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 1168/BC-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về tiêu chí, lĩnh vực, nội dung hỗ trợ thử nghiệm có kiểm soát giải pháp công nghệ mới về phương tiện bay không người lái và xe tự hành trong phạm vi Khu Công nghệ cao, Khu Công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, phát triển và ứng dụng phương tiện bay không người lái và xe tự hành tại Khu Công nghệ cao, Khu Công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 3. Tiêu chí hỗ trợ thử nghiệm có kiểm soát**

#### **1. Tiêu chí chung**

a) Vị trí thử nghiệm phương tiện bay không người lái tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh; vị trí thử nghiệm xe tự hành tại Khu Công viên phần mềm Quang Trung, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ sở vật chất trong vị trí thử nghiệm phải có hàng rào bảo vệ, hệ thống giám sát, cơ sở hạ tầng liên lạc, hệ thống kiểm soát, hệ thống an toàn và thiết bị cứu hộ.

c) Tổ chức tham gia thử nghiệm là pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam; không đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản theo quyết định đã được ban hành; đang hoạt động trong Khu Công nghệ cao, Khu Công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

d) Tổ chức tham gia thử nghiệm phải đáp ứng các điều kiện về nguồn lực kỹ thuật, nhân lực, tài chính nhằm bảo đảm việc thử nghiệm và kiểm soát được quá trình, môi trường thử nghiệm.

đ) Giải pháp công nghệ mới liên quan đến phương tiện bay không người lái và xe tự hành được lựa chọn để hỗ trợ thử nghiệm phải có tính mới và tính sáng tạo của Việt Nam.

e) Giải pháp công nghệ mới liên quan đến phương tiện bay không người lái và xe tự hành được lựa chọn để hỗ trợ thử nghiệm phải có tính khả thi, có khả năng triển khai và áp dụng thực tiễn, đảm bảo hiệu quả kinh tế và kỹ thuật.

g) Giải pháp công nghệ mới liên quan đến phương tiện bay không người lái và xe tự hành được lựa chọn để hỗ trợ thử nghiệm phải có tính bền vững, không gây hại đến môi trường và sức khỏe con người.

h) Giải pháp công nghệ mới liên quan đến phương tiện bay không người lái và xe tự hành được lựa chọn để hỗ trợ thử nghiệm phải đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn và bảo mật thông tin.

## 2. Tiêu chí đối với phương tiện bay không người lái

Phương tiện bay không người lái tham gia thử nghiệm phải có các tính năng cơ bản và thông số kỹ thuật đáp ứng tiêu chí sau:

TT	Tính năng cơ bản	Thông số kỹ thuật
1	Sải cánh, thân dài, chiều cao	Sải cánh: 400-1570 mm Thân dài: 200-1570 mm Chiều cao: 100-715 mm
2	Trọng lượng cất cánh tối đa	Tối đa 70 kg
3	Tốc độ bay: tốc độ bay tối đa; tốc độ bay lên, tốc độ bay xuống, tốc độ bay hành trình	Tốc độ bay tối đa 100 km/giờ; tốc độ bay lên tối đa 60 km/giờ; tốc độ bay xuống tối đa 60 km/giờ; tốc độ bay hành trình 80 km/giờ
4	Tầm bay tối đa, bán kính hoạt động	Đảm bảo nằm trong khu vực thử nghiệm
5	Độ cao bay tối đa	Dưới 200 m
6	Khả năng mang, treo thiết bị theo thiết bị bay (kèm theo thuyết minh tính năng thiết bị mang, treo); code nhận biết (nếu có)	Mang theo thiết bị đáp ứng mục đích sử dụng

7	Phương pháp điều khiển thiết bị bay, phần mềm điều khiển, kiểu loại (tổ hợp) thiết bị điều khiển, tần số điều khiển, trạm mặt đất	Điều khiển từ xa thông minh có hiển thị tất cả các thông tin chuyến bay như: chế độ bay, thời gian bay, điện áp pin, vệ tinh, tốc độ bay, độ cao, khu vực bay và màn hình giám sát.
8	Thiết bị thông tin, thiết bị dẫn đường, giám sát bay (có mô tả tính năng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống quản lý nhiệm vụ tích hợp để ghi lại chi tiết từng nhiệm vụ.</li> <li>- Tất cả các thông tin nêu trên phải được lưu lại tự động (Hộp đen) phục vụ trích xuất dữ liệu theo yêu cầu.</li> </ul>
9	Kiểu loại, tính năng thiết bị truyền dữ liệu, khả năng truyền dữ liệu, lưu dữ liệu hành trình bay (nếu có)	Tần số hoạt động: những tần số được miễn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định hiện hành.

TT	Tính năng cơ bản	Thông số kỹ thuật
10	Thời gian và điều kiện thử nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong khoảng thời gian từ 7 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.</li> <li>- Điều kiện thời tiết không mưa (hoặc mưa nhẹ), gió không quá 10 m/s.</li> </ul>
11	Số người tham gia vận hành, điều khiển	Tối thiểu 01 người có kinh nghiệm vận hành, điều khiển phương tiện bay không người lái.

### 3. Tiêu chí đối với xe tự hành

Xe tự hành tham gia thử nghiệm phải có các tính năng cơ bản và thông số kỹ thuật đáp ứng tiêu chí sau:

TT	Tính năng cơ bản	Thông số kỹ thuật
1	Tốc độ di chuyển tối đa	Tối đa 20 km/giờ.
2	Bán kính hoạt động	Đảm bảo nằm trong khu vực thử nghiệm.
3	Phương pháp điều khiển, phần mềm điều khiển, kiểu loại (tổ hợp) thiết bị điều khiển, tần số điều khiển, trạm mặt đất	Điều khiển từ xa thông minh có hiển thị tất cả các thông tin hành trình như: chế độ di chuyển, thời gian, điện áp pin, vệ tinh, tốc độ di chuyển, khu vực di chuyển và màn hình giám sát.
4	Thiết bị thông tin, thiết bị dẫn đường, giám sát di chuyển (có mô tả tính năng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống quản lý nhiệm vụ tích hợp để ghi lại chi tiết từng nhiệm vụ.</li> <li>- Tất cả các thông tin nêu trên phải được lưu lại tự động (Hộp đen) phục vụ trích xuất dữ liệu theo yêu cầu.</li> </ul>
5	Kiểu loại, tính năng thiết bị truyền dữ liệu, khả năng truyền dữ liệu, lưu dữ liệu hành trình di chuyển (nếu có)	Tần số hoạt động: những tần số được miễn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định hiện hành.
6	Thời gian và điều kiện thử nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong khoảng thời gian từ 7 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.</li> <li>- Điều kiện thời tiết không mưa (hoặc mưa nhẹ), gió không quá 10 m/s.</li> </ul>

TT	Tính năng cơ bản	Thông số kỹ thuật
7	Số người tham gia vận hành, điều khiển	Tối thiểu 01 người có kinh nghiệm vận hành, điều khiển xe tự hành.

#### **Điều 4. Lĩnh vực hỗ trợ thử nghiệm có kiểm soát**

Phương tiện bay không người lái và xe tự hành được hỗ trợ thử nghiệm có kiểm soát để ứng dụng trong một số lĩnh vực như sau:

1. Lĩnh vực an ninh, trật tự; cứu nạn, cứu hộ; phòng cháy, chữa cháy.
2. Lĩnh vực logistic, vận tải hành khách.
3. Lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao.
4. Lĩnh vực môi trường.
5. Lĩnh vực nghệ thuật.

#### **Điều 5. Nội dung hỗ trợ thử nghiệm có kiểm soát**

1. Sử dụng chung mặt bằng, cơ sở hạ tầng phù hợp với mục đích thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm thuộc Khu Công viên phần mềm Quang Trung, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ việc thử nghiệm.

2. Hỗ trợ cấp giấy phép liên quan đến quá trình thử nghiệm có kiểm soát thuộc thẩm quyền cấp phép của Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Hỗ trợ mức đăng ký trong và ngoài nước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu theo quy định tại Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định mức hỗ trợ đăng ký trong và ngoài nước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Đầu tư cơ sở vật chất (bao gồm hàng rào bảo vệ, hệ thống giám sát, cơ sở hạ tầng liên lạc, hệ thống kiểm soát, hệ thống an toàn và thiết bị cứu hộ) tại Khu Công viên phần mềm Quang Trung, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ cho việc thử nghiệm có kiểm soát phương tiện bay không người lái và xe tự hành.

#### **Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách Thành phố và các nguồn hợp pháp khác.

#### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất

trên địa bàn Thành phố đảm bảo công khai, minh bạch, tuân thủ đúng theo quy định pháp luật; phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của Thành phố, thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, không để xảy ra trục lợi chính sách. Trong quá trình tổ chức thực hiện, căn cứ nhu cầu thực tiễn của Thành phố tiếp tục nghiên cứu thực hiện có hiệu quả các tiêu chí, lĩnh vực, nội dung hỗ trợ thử nghiệm có kiểm soát giải pháp công nghệ mới trong phạm vi Khu Công nghệ cao, Khu Công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng tinh thần Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X Kỳ họp thứ mười chín thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 11 năm 2024./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21/2024/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

**Bãi bỏ Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành mức thu lệ phí cấp mới (đăng ký lần đầu tại Việt Nam) giấy đăng ký kèm theo biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;*

*Xét Tờ trình số 7075/TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố bãi bỏ Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành mức thu lệ phí cấp mới (đăng ký lần đầu tại Việt Nam) giấy đăng ký kèm theo biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 1167/BC-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết**

Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành mức thu lệ phí cấp mới (đăng ký lần đầu tại Việt Nam) giấy đăng ký kèm theo biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X Kỳ họp thứ mười chín thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 11 năm 2024./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/2024/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục đặt hàng, giao nhiệm vụ quản lý khai thác, vận hành các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

*Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Xét Tờ trình số 7847/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo nghị quyết ban hành quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục đặt hàng, giao nhiệm vụ quản lý khai thác, vận hành các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 1330/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục đặt hàng, giao nhiệm vụ quản lý khai thác, vận hành các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố đảm bảo công khai, minh bạch, tuân thủ đúng quy định pháp luật; việc đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định, theo đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo tính pháp lý và

minh bạch trong quản lý, vận hành tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; việc triển khai các hoạt động này phải hướng tới mục tiêu đáp ứng tốt nhu cầu cung cấp dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn Thành phố nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu phát triển hạ tầng thủy lợi và cung cấp dịch vụ công ích thủy lợi theo kế hoạch đề ra; đồng thời sử dụng ngân sách hiệu quả, tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của Thành phố, không để xảy ra trục lợi chính sách.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ hai mươi thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025/.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Về điều kiện, trình tự, thủ tục đặt hàng, giao nhiệm vụ  
quản lý khai thác, vận hành các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp  
sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**  
(Kèm theo Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024  
của Hội đồng nhân dân Thành phố)

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục đặt hàng, giao nhiệm vụ quản lý khai thác, vận hành các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn Thành phố sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Ủy ban nhân dân Thành phố, các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý khai thác, vận hành các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn Thành phố.

### **Chương II**

#### **QUY ĐỊNH ĐIỀU KIỆN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIAO NHIỆM VỤ, ĐẶT HÀNG QUẢN LÝ KHAI THÁC, VẬN HÀNH CÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI CUNG CẤP SẢN PHẨM DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ**

##### **Điều 3. Điều kiện giao nhiệm vụ quản lý khai thác, vận hành các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi**

1. Việc giao nhiệm vụ quản lý khai thác, vận hành các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn Thành phố sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chỉ thực hiện đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Giao nhiệm vụ quản lý khai thác, vận hành các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực được giao nhiệm vụ quản lý khai thác, vận hành các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn Thành phố; có đủ năng lực về tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc, trình độ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, trình độ quản lý và đội ngũ người lao động đáp ứng được các yêu cầu theo quy định của pháp luật.

b) Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi chưa có giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 4. Điều kiện đặt hàng quản lý khai thác, vận hành các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi**

1. Đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn Thành phố sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Doanh nghiệp, tổ chức thủy lợi cơ sở trên địa bàn Thành phố có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực được đặt hàng quản lý khai thác, vận hành các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi; có đủ năng lực về tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc, trình độ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, trình độ quản lý và đội ngũ người lao động đáp ứng được các yêu cầu theo hợp đồng đặt hàng.

b) Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi có giá sản phẩm dịch vụ được cấp có thẩm quyền quyết định theo pháp luật về giá và các quy định pháp luật khác có liên quan.

c) Doanh nghiệp, tổ chức thủy lợi cơ sở đã thực hiện quản lý khai thác, vận hành các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi có quy mô tương tự trên địa bàn Thành phố.

2. Đối với các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã giao cho doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quản lý thực hiện theo phương thức đặt hàng theo các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

**Điều 5. Trình tự, thủ tục giao nhiệm vụ, đặt hàng quản lý khai thác, vận hành các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi**

1. Quyết định giao nhiệm vụ và điều chỉnh quyết định giao nhiệm vụ quản lý khai thác, vận hành các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi

a) Quyết định giao nhiệm vụ của cơ quan giao nhiệm vụ quản lý khai thác,

vận hành các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, nội dung giao nhiệm vụ như sau:

- Số lượng, khối lượng.
- Chất lượng sản phẩm.
- Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành.
- Dự toán kinh phí của nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi căn cứ số lượng, khối lượng, chế độ chỉ tiêu tài chính hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Kinh phí thực hiện: nguồn ngân sách nhà nước.
- Tạm ứng, thanh toán, quyết toán kinh phí giao nhiệm vụ.
- Nghiệm thu, bàn giao sản phẩm (nếu có).
- Trách nhiệm của doanh nghiệp được giao nhiệm vụ.
- Trách nhiệm của cơ quan giao nhiệm vụ.
- Các nội dung khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

b) Điều chỉnh nội dung giao nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong trường hợp Nhà nước thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương; điều chỉnh số lượng, khối lượng thực hiện hoặc do nguyên nhân khách quan khác.

2. Hợp đồng đặt hàng và điều chỉnh hợp đồng đặt hàng quản lý khai thác, vận hành các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi

a) Hợp đồng đặt hàng quản lý khai thác, vận hành các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.

b) Điều chỉnh hợp đồng đặt hàng quản lý khai thác, vận hành các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trong trường hợp sau:

- Nhà nước thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương.
- Nhà nước điều chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật; định mức chi phí, giá, đơn giá.
- Nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật ảnh hưởng đến sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.
- Điều chỉnh, bổ sung số lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích khi có thay đổi (biến động tăng) được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.



3. Cấp phát, thanh toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

a) Cấp phát, thanh toán kinh phí đối với phương thức giao nhiệm vụ

Căn cứ vào dự toán ngân sách được duyệt và dự toán của tổ chức khai thác công trình thủy lợi, cơ quan giao nhiệm vụ cấp kinh phí cho tổ chức khai thác công trình thủy lợi 02 lần trong năm, đầu quý I cấp 60% tổng kinh phí và đầu quý III cấp 40% kinh phí còn lại trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm, dự kiến thực hiện 6 tháng cuối năm và ước thực hiện kế hoạch cả năm của tổ chức khai thác công trình thủy lợi.

b) Thanh toán kinh phí đối với phương thức đặt hàng

Ngay sau khi hợp đồng đặt hàng được ký, cơ quan đặt hàng tạm ứng 60% kinh phí theo hợp đồng cho tổ chức khai thác công trình thủy lợi. Sau khi có báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng đạt 60% giá trị hợp đồng, cơ quan đặt hàng cấp tiếp 30% kinh phí theo hợp đồng, 10% kinh phí còn lại được thanh toán sau khi hợp đồng được nghiệm thu, thanh lý.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố**

1. Chịu trách nhiệm chỉ đạo: tổ chức thực hiện theo quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục đặt hàng, giao nhiệm vụ quản lý khai thác, vận hành các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; kiểm tra, theo dõi và giám sát việc thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ quản lý khai thác, vận hành các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi sử dụng ngân sách.

2. Căn cứ tình hình, điều kiện thực tế về quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên địa bàn Thành phố có lộ trình tiến tới thực hiện phương thức đấu thầu quản lý khai thác, vận hành các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn Thành phố khi đủ điều kiện.

### **Điều 7. Trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức thủy lợi cơ sở cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi**

1. Doanh nghiệp, tổ chức thủy lợi cơ sở cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được giao nhiệm vụ, đặt hàng quản lý khai thác, vận hành các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi không được giao nhiệm vụ, đặt hàng lại cho đơn vị, nhà sản xuất khác khi chưa được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

2. Chịu trách nhiệm trước cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng về sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do mình cung cấp và pháp luật liên quan.

**Điều 8. Áp dụng pháp luật**

Các nội dung không được quy định tại Nghị quyết này thì được áp dụng theo các quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và các quy định có liên quan./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/2024/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

Quy định các tiêu chí để quyết định đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc trường hợp quy định tại khoản 27 Điều 79 Luật Đất đai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thi điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Xét Tờ trình số 7596/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về Dự thảo Nghị quyết quy định các tiêu chí để quyết định đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc trường hợp quy định tại khoản 27 Điều 79 Luật Đất đai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 1309/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố, ý kiến thảo luận thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai đối với các dự án thuộc trường hợp quy định tại khoản 27 Điều 79 Luật Đất đai, gồm: dự án đầu tư xây dựng khu đô thị có công năng phục vụ hỗn hợp, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với nhà ở theo quy định của pháp luật về xây dựng để xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang đô thị; dự án khu dân cư nông thôn.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất thuộc trường hợp quy định tại khoản 27 Điều 79 Luật Đất đai.

### **Điều 2. Tiêu chí để quyết định đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất**

Dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc trường hợp quy định tại khoản 27 Điều 79 Luật Đất đai thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

1. Không đủ điều kiện để đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 125 Luật Đất đai.

2. Phù hợp với Chương trình, kế hoạch phát triển đô thị; Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của Thành phố được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Khu đất thực hiện dự án có quy hoạch chi tiết hoặc có quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đối với Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; Dự án cải tạo, chỉnh trang khu đô thị:

a) Đáp ứng điều kiện về quy mô sử dụng đất theo quy định của pháp luật về xây dựng.

b) Trường hợp dự án không đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư nếu đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 98/2023/QH15

ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Đối với Dự án khu dân cư nông thôn:

a) Có quy mô sử dụng đất từ 03 héc ta trở lên.

b) Phù hợp với chương trình xây dựng nông thôn mới, quy hoạch chi tiết xây dựng nông thôn mới, điều kiện tự nhiên của từng huyện.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

b) Trong quá trình thực hiện, trường hợp Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực quy định khác với quy định của Nghị quyết này thì tổ chức thực hiện theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật đó; đồng thời, báo cáo đề xuất Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét chấp thuận đề trình Hội đồng nhân dân Thành phố điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Nghị quyết tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ hai mươi thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2024/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2024

## **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định về chính sách đặc thù hỗ trợ trong công tác đào tạo,  
bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố Hồ Chí Minh**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ  
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ  
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5  
năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật  
Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25  
tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định  
số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết  
một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã  
được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31  
tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Xét Tờ trình số 7850/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chính sách đặc thù hỗ trợ trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 1332/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về chính sách đặc thù hỗ trợ trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố Hồ Chí Minh và các đối tượng thuộc các đề án, chương trình đào tạo, bồi dưỡng của Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành hoặc phê duyệt.

### **Điều 2. Nội dung chi, mức chi và đối tượng áp dụng**

1. Hỗ trợ kinh phí đào tạo từ ngân sách Thành phố đối với các đối tượng được cấp có thẩm quyền của Thành phố cử tham gia các lớp đào tạo theo các đề án do Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành hoặc phê duyệt, như sau:



a) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định pháp luật và các đối tượng (trừ các đối tượng đang công tác tại các doanh nghiệp nhà nước) được cử đi đào tạo sau đại học theo chỉ tiêu của Đề án số 01-ĐA/TU ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về hỗ trợ, phát triển tài năng trẻ và lãnh đạo tương lai của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2035.

b) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định pháp luật và các đối tượng được cử đi đào tạo trình độ đại học, sau đại học theo chỉ tiêu của Đề án số 04-ĐA/TU ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về dân tộc - tôn giáo cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị Thành phố.

2. Ngoài những đối tượng thuộc diện được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Nhà nước theo quy định của Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Tài chính, hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị từ ngân sách Thành phố đối với các đối tượng được cơ quan có thẩm quyền của Thành phố cử đi đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị theo quy định của Đảng, bao gồm:

a) Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật đang làm việc trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội cấp Thành phố; cấp quận, huyện, thành phố thuộc Thành phố (gọi chung là cấp huyện).

b) Cán bộ, công chức đang làm việc tại phường, xã, thị trấn (gọi chung là cấp xã).

c) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

d) Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và trong đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ngoài những đối tượng thuộc diện được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Nhà nước theo quy định của Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Tài chính; hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng từ ngân sách Thành phố đối với các đối tượng được cơ quan có thẩm quyền của Thành phố cử tham dự các lớp, chương trình bồi dưỡng theo các đề án, kế hoạch do Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành hoặc phê duyệt:

a) Cán bộ theo quy định của pháp luật đang làm việc trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp Thành phố và cấp huyện.

b) Cán bộ đang làm việc ở cấp xã.

c) Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và trong đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.



4. Nội dung chi và mức chi quy định tại Quy định kèm theo Nghị quyết này.

### **Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện**

Kinh phí được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố đảm bảo công khai, minh bạch theo quy định pháp luật; phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của Thành phố, thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, không để xảy ra trục lợi chính sách; định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo kết quả tổ chức thực hiện trình Hội đồng nhân dân Thành phố vào kỳ họp thường lệ cuối năm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các quy định được viện dẫn trong Nghị quyết này có bổ sung, sửa đổi hoặc được thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành; trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ hai mươi thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY ĐỊNH**  
**Nội dung chi và mức chi theo nghị quyết về chính sách đặc thù**  
**hỗ trợ trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức**  
**của Thành phố Hồ Chí Minh**  
*(Kèm theo Nghị quyết số **24** /2024/NQ-HĐND ngày **11** tháng **12** năm 2024*  
*của Hội đồng nhân dân Thành phố)*

STT	NỘI DUNG CHI	MỨC CHI/ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN
I	<b>Đào tạo trong nước đối với các đối tượng được cấp có thẩm quyền cử tham gia các lớp đào tạo theo các đề án do Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành hoặc phê duyệt; đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị</b>	
1	Chi phí dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.	Theo chứng từ, hoá đơn hợp pháp của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nơi đối tượng được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo hoặc theo hợp đồng cụ thể do cấp có thẩm quyền ký kết.
II	<b>Bồi dưỡng đối với các đối tượng được cơ quan có thẩm quyền của Thành phố cử tham dự các lớp, chương trình bồi dưỡng theo các đề án, kế hoạch do Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành hoặc phê duyệt trong nước</b>	
1	Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học). Mức chi thực hiện theo quy định sau:	
1.1	Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Thành ủy và các chức danh tương đương; Thứ trưởng, Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Phó Bí thư Thành ủy và các chức danh tương đương; giáo sư; phó giáo sư; chuyên gia cao cấp; Tiến sĩ khoa học; tiến sĩ; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng thuộc Bộ.	Mức chi thù lao 2.000.000 đồng/người/buổi
1.2	Giảng viên, báo cáo viên là Phó vụ trưởng thuộc Bộ, Phó viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó cục trưởng và các chức danh tương đương; thạc sĩ; giảng viên chính.	Mức chi thù lao 1.500.000 đồng/người/buổi



STT	NỘI DUNG CHI	MỨC CHI/ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN
1.3	Giảng viên, báo cáo viên còn lại là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở trung ương và cấp Thành phố, chuyên gia các lĩnh vực (ngoài 2 đối tượng nêu trên).	Mức chi thù lao 1.200.000 đồng/người/buổi
1.4	Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống.	Mức chi thù lao 600.000 đồng/người/buổi
1.5	Trợ giảng (nếu có).	Mức chi thù lao 600.000 đồng/người/buổi
1.6	Đối với giảng viên nước ngoài: Tùy theo mức độ cần thiết các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định việc mời giảng viên nước ngoài. Mức thù lao đối với giảng viên nước ngoài do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định trên cơ sở thỏa thuận tùy theo chất lượng giảng viên. Riêng đối với các giảng viên chuyên nghiệp làm nhiệm vụ giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, thì số giờ giảng vượt định mức được thanh toán theo quy định hiện hành về chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập. Trường hợp các giảng viên này được mời tham gia giảng dạy tại các lớp học do các cơ sở đào tạo khác tổ chức thì vẫn được hưởng theo chế độ thù lao giảng viên theo quy định.	
2	Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc: căn cứ số lượng học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc của từng lớp, cơ sở đào tạo được quyết định chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc.	Mức chi 200.000 đồng/học viên
3	Các nội dung chi khác thực hiện theo mức chi tối đa quy định tại Khoản 2, Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính và Khoản 6, 7, 8 Điều 1 Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.	
<b>III</b>	<b>Bồi dưỡng đối với các đối tượng được cơ quan có thẩm quyền của Thành phố cử tham dự các lớp, chương trình bồi dưỡng theo các đề án, kế hoạch do Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành hoặc phê duyệt ở nước ngoài</b>	
1	Chi dịch vụ bồi dưỡng và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo hoặc cơ sở dịch vụ ở nước ngoài.	Theo thông báo hoặc hóa đơn học phí của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nơi cán bộ, công chức, viên chức được cử đi bồi dưỡng hoặc chứng từ, hóa đơn hợp pháp do cơ sở dịch vụ ở nước ngoài ban hành hoặc theo hợp đồng cụ thể do cấp có thẩm quyền ký kết.

STT	NỘI DUNG CHI	MỨC CHI/ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN
2	Chi mua Bảo hiểm y tế.	Theo thông báo hoặc hóa đơn Bảo hiểm y tế bắt buộc của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nơi cán bộ, công chức, viên chức được cử đi bồi dưỡng và không vượt mức Bảo hiểm y tế tối thiểu áp dụng chung cho lưu học sinh nước ngoài ở nước sở tại.
3	Chi phí cho công tác phiên dịch, biên dịch tài liệu.	Thực hiện theo quy định hiện hành theo Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.
4	Chi phí cho công tác tổ chức lớp học: khảo sát, đàm phán, xây dựng chương trình học tập với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài.	Theo chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ, hóa đơn hợp pháp.
5	Chi phí ăn và tiêu vật, ở, đi lại, lệ phí sân bay, chi làm thủ tục xuất, nhập cảnh (hộ chiếu, thị thực (visa))	Thực hiện theo quy định hiện hành tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25/2024/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ đặc thù đối với khoán bảo vệ rừng  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ  
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ  
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5  
năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật  
Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25  
tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định  
số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết  
một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã  
được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31  
tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ  
về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

*Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Xét Tờ trình số 7849/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức hỗ trợ đặc thù đối với khoán bảo vệ rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 1331/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về mức hỗ trợ đặc thù đối với khoán bảo vệ rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể bao gồm:

- a) Rừng đặc dụng.
- b) Rừng phòng hộ.
- c) Rừng phòng hộ thuộc vùng đất ven biển.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với các cá nhân, hộ gia đình nhận khoán bảo vệ rừng; các cá nhân, tổ chức có liên quan đến việc giao, nhận khoán bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng phòng hộ thuộc vùng đất ven biển trên địa bàn Thành phố.

### **Điều 3. Mức hỗ trợ đặc thù đối với khoán bảo vệ rừng**

1. Đối với khoán bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ bình quân: 1.800.000 đồng/ha/năm.
2. Đối với khoán bảo vệ rừng phòng hộ ven biển bằng 1,5 lần mức hỗ trợ rừng phòng hộ bình quân, cụ thể: 2.700.000 đồng/ha/năm.

### **Điều 4. Kinh phí thực hiện**

Ngân sách Thành phố bố trí dự toán kinh phí chi thường xuyên hàng năm để tổ chức thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.



**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, tuân thủ đúng theo quy định pháp luật, hướng đến mục tiêu tiết kiệm, chống lãng phí phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của Thành phố; trong quá trình triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng trên địa bàn Thành phố, tiếp tục theo dõi, nghiên cứu, đề xuất các chính sách để ngày càng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho các cá nhân, hộ gia đình bảo vệ rừng.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ hai mươi thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26/2024/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

Quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công  
thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật  
ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ  
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ  
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5  
năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành  
văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024  
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP  
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp  
thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều  
theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;  
Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi,  
bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017  
của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số 7757/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban  
nhân dân Thành phố về việc xây dựng Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định  
trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố  
Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 1324/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2024  
của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của  
đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.



**QUYẾT NGHỊ:****Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ), cụ thể:

1. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao); thuê tài sản; khai thác tài sản công; thu hồi; điều chuyển; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công tại cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về hội.

2. Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về hội.

3. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn Nhà nước.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan Nhà nước (gọi tắt là cơ quan); đơn vị sự nghiệp công lập (gọi tắt là đơn vị); tổ chức chính trị - xã hội (gọi tắt tổ chức), tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về hội (gọi tắt tổ chức khác) thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành ủy; đơn vị lực lượng vũ trang thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; doanh nghiệp Nhà nước không thuộc đối tượng áp dụng tại Nghị quyết này.

**Chương II  
THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI  
CƠ QUAN**

**Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) của cơ quan thuộc phạm vi quản lý của Thành phố**

1. Đối với tài sản là trụ sở làm việc, xe ô tô phục vụ công tác các chức danh: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc mua sắm.

2. Đối với tài sản là xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc mua sắm của sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, Ủy ban nhân dân quận và của cơ quan trực thuộc sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, Ủy ban nhân dân quận.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định việc mua sắm của cơ quan và quyết định việc mua sắm của cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

3. Đối với tài sản khác (trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này): người đứng đầu cơ quan quyết định việc mua sắm.

4. Việc mua sắm tài sản quy định tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và không bao gồm mua sắm dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan. Việc mua sắm dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

**Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan thuộc phạm vi quản lý của Thành phố**

1. Đối với việc thuê trụ sở làm việc phục vụ hoạt động của cơ quan: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

2. Đối với việc thuê tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc) phục vụ hoạt động của cơ quan: người đứng đầu cơ quan quyết định.

3. Việc thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan quy định tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và không bao gồm thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác phục vụ hoạt động của cơ quan. Việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác phục vụ hoạt động của cơ quan được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và pháp luật có liên quan.

**Điều 5. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan thuộc phạm vi quản lý của Thành phố**

1. Đối với tài sản công phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan: người đứng đầu cơ quan quyết định việc khai thác tài sản để phục vụ hoạt động tại cơ quan.

2. Đối với tài sản công là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan, phòng truyền thống của cơ quan (trừ tài sản công phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ quy định tại khoản 1 điều này): người đứng đầu các sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định việc khai thác tài sản tại cơ quan và quyết định việc khai thác tài sản tại cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan thuộc phạm vi quản lý của Thành phố**

1. Đối với tài sản công là trụ sở làm việc: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thu hồi.

2. Đối với tài sản công là xe ô tô: cấp nào quyết định giao, mua sắm, điều chuyển - cấp đó quyết định thu hồi.

3. Đối với tài sản công khác (trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này):

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc thu hồi tài sản của các sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân quận, huyện.

b) Người đứng đầu các sở ban ngành và tương đương Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định việc thu hồi tài sản của cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố**

1. Đối với tài sản công là trụ sở làm việc: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chuyển.

2. Đối với tài sản công là xe ô tô: cấp nào quyết định giao, mua sắm - cấp đó quyết định điều chuyển.

Riêng đối với trường hợp điều chuyển tài sản công là xe ô tô giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các sở ban ngành và tương đương Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân quận, huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chuyển.

3. Đối với tài sản công khác (trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này):

a) Việc điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân quận, huyện: Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển.

b) Việc điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong nội bộ sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân quận, huyện: người đứng đầu các sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định điều chuyển.

4. Đối với trường hợp điều chuyển tài sản công ra ngoài phạm vi quản lý của Thành phố, thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

**Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định của cơ quan thuộc phạm vi quản lý của Thành phố**

1. Đối với tài sản công là trụ sở làm việc: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bán.

2. Đối với tài sản công là xe ô tô: cấp nào quyết định giao, mua sắm, thu hồi, điều chuyển - cấp đó quyết định bán.

3. Đối với tài sản công là tài sản cố định khác (trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này): người đứng đầu cơ quan quyết định bán.

**Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan thuộc phạm vi quản lý của Thành phố**

1. Đối với tài sản công là trụ sở làm việc: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thanh lý.

2. Đối với tài sản công là xe ô tô: cấp nào quyết định giao, mua sắm, thu hồi, điều chuyển - cấp đó quyết định thanh lý.

3. Đối với tài sản công là tài sản cố định khác (trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này): người đứng đầu cơ quan quyết định thanh lý.

**Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan thuộc phạm vi quản lý của Thành phố**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định tiêu hủy.

**Điều 11. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan thuộc phạm vi quản lý của Thành phố trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**

1. Đối với tài sản công là trụ sở làm việc: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét quyết định xử lý.

2. Đối với xe ô tô: cấp nào quyết định giao, mua sắm, thu hồi, điều chuyển - cấp đó quyết định xử lý.

3. Đối với tài sản công là tài sản cố định khác (trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này): Người đứng đầu cơ quan quyết định xử lý.

**Điều 12. Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc của cơ quan thuộc phạm vi quản lý của Thành phố**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc của cơ quan.

**Điều 13. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn Nhà nước**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

**Chương III**  
**THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI**  
**ĐƠN VỊ**

**Điều 14. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) của đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố**

1. Đối với tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc mua sắm.

2. Đối với tài sản là xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc mua sắm của đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân quận.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định việc mua sắm của đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Đối với tài sản khác (trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này): người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên quyết định việc mua sắm.

4. Việc mua sắm tài sản quy định tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và không bao gồm mua sắm dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị. Việc mua sắm dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

**Điều 15. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố**

1. Đối với việc thuê cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

2. Đối với việc thuê tài sản khác (không phải là cơ sở hoạt động sự nghiệp) phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: người đứng đầu đơn vị quyết định.

3. Việc thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị quy định tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và không bao gồm thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác phục vụ hoạt động của đơn vị. Việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác phục vụ hoạt động của đơn vị được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và pháp luật có liên quan.

**Điều 16. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố**

1. Đối với tài sản công phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: người đứng đầu đơn vị quyết định khai thác.

2. Đối với tài sản công là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng công trình sự nghiệp, phòng truyền thống của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (trừ tài sản công phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này):

a) Người đứng đầu đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định khai thác.

b) Người đứng đầu các sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định việc khai thác tài sản của đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 17. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công của đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố**

1. Đối với tài sản công là cơ sở hoạt động sự nghiệp: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thu hồi.

2. Đối với tài sản công là xe ô tô: cấp nào quyết định giao, mua sắm, điều chuyển - cấp đó quyết định thu hồi.

3. Đối với tài sản công khác (trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này):

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thu hồi tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

b) Người đứng đầu các sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định thu hồi tài sản của đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 18. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công của đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố**

Thẩm quyền điều chuyển tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết này.

**Điều 19. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định của đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố**

1. Đối với tài sản công là cơ sở hoạt động sự nghiệp: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bán.

2. Đối với tài sản công là xe ô tô: cấp nào quyết định giao, mua sắm, thu hồi, điều chuyển - cấp đó quyết định bán.

3. Đối với tài sản công là tài sản cố định khác (trừ tài sản quy định tại khoản 1,



khoản 2 Điều này và tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định); người đứng đầu đơn vị quyết định bán.

**Điều 20. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố**

1. Đối với tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thanh lý.

2. Đối với tài sản công là xe ô tô: cấp nào quyết định giao, mua sắm, thu hồi, điều chuyển - cấp đó quyết định thanh lý.

3. Đối với tài sản công có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này): người đứng đầu đơn vị quyết định thanh lý.

**Điều 21. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định tiêu hủy.

**Điều 22. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**

1. Đối với tài sản công là cơ sở hoạt động sự nghiệp: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét quyết định xử lý.

2. Đối với tài sản công là xe ô tô: cấp nào quyết định giao, mua sắm, thu hồi, điều chuyển - cấp đó quyết định xử lý.

3. Đối với tài sản công là tài sản cố định khác (trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này): người đứng đầu đơn vị quyết định xử lý.

**Điều 23. Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán cơ sở hoạt động sự nghiệp của đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán cơ sở hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

**Điều 24. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn Nhà nước**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án giao, điều chuyển tài sản cho đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

## **Chương IV**

### **THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI TỔ CHỨC, TỔ CHỨC KHÁC**

**Điều 25. Thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức thuộc phạm vi quản lý của Thành phố**

Thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức thực hiện theo quy định tại Chương II Nghị quyết này; đối với tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị quyết này.

**Điều 26. Thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố**

Thẩm quyền thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công theo quy định tại khoản 1 Điều 69 và khoản 2 Điều 70 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 thực hiện theo Chương II Nghị quyết này.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 27. Tổ chức thực hiện**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu các sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập được giao tại Nghị quyết này có trách nhiệm tuân thủ đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, nếu phát sinh vướng mắc, cần sửa đổi, bổ sung, Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố để giải quyết theo thẩm quyền.

b) Quán triệt và triển khai đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý và sử dụng tài sản công theo Công điện số 125/CĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ ngành, địa phương đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

c) Tiếp tục tập trung chỉ đạo quản lý, sắp xếp lại, xử lý nhà đất và tài sản công theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công. Tăng cường công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu về việc chịu trách nhiệm toàn diện trong việc quản lý, sử dụng tài sản công, tránh thất thoát, lãng phí. Sớm hoàn thành và đưa vào sử dụng phần mềm quản lý nhà, đất công trên địa bàn Thành phố.



d) Tiếp tục rà soát, đề xuất tham mưu ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoặc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật đã ban hành nhưng không còn phù hợp theo đúng quy định và thực tiễn.

đ) Đảm bảo mọi quyết định liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định pháp luật, tránh tình trạng thất thoát, lãng phí tài sản Nhà nước. Việc sử dụng tài sản công phải gắn với các mục tiêu phát triển bền vững, phục vụ lợi ích chung của người dân Thành phố và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội, đồng thời bảo đảm hiệu quả cao nhất cho ngân sách và nguồn lực công.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

4. Trường hợp các văn bản đề cập tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

#### **Điều 28. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày được thông qua.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố về phân cấp quản lý Nhà nước đối với tài sản công tại cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về hội được ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ hai mươi thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024/.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27/2024/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

Quy định về thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa,  
dịch vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi  
quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật  
ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ  
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ  
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5  
năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành  
Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024  
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP  
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp  
thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều  
theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ  
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn  
nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ  
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu  
thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

*Xét Tờ trình số 7742/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định về thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 1321/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định cụ thể về thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan nhà nước (cơ quan);
2. Đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị);

3. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về hội (tổ chức) được ngân sách nhà nước đảm bảo, hỗ trợ kinh phí hoạt động.

### **Điều 3. Quy định về thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ**

#### **1. Đối với cơ quan, tổ chức**

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức trực tiếp sử dụng các nguồn vốn (ngân sách Nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật) quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị lớn hơn 200 triệu đồng.

#### **2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập**

Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực tiếp sử dụng các nguồn vốn (ngân sách Nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật) quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố**

a) Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

b) Quán triệt, chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc trong quá trình triển khai mua sắm hàng hóa, dịch vụ phải đảm bảo thực hiện nghiêm quy định của Luật Đấu thầu, các nghị định hướng dẫn và các quy định pháp luật liên quan.

c) Tăng cường công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu về việc chịu trách nhiệm toàn diện trong việc quản lý, sử dụng ngân sách để mua sắm.

d) Thực hiện nghiêm Công điện số 125/CD-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ ngành, địa phương đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Rà soát chặt chẽ các danh mục mua sắm, đảm bảo chỉ thực hiện các khoản chi thực sự cần thiết, tránh thất thoát, lãng phí ngân sách và bảo đảm hiệu quả sử dụng tài sản công, đảm bảo chất lượng hàng hóa, dịch vụ và hiệu quả dự án đầu tư.

đ) Tăng cường kiểm tra, giám sát thường xuyên và đột xuất đối với các hoạt động mua sắm công, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tuyên truyền, tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ phụ trách mua sắm công tại các cơ quan, đơn vị, đảm bảo họ hiểu rõ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ phải gắn với các mục tiêu phát triển bền vững của Thành phố, đáp ứng nhu cầu của người dân, đồng thời tối ưu hóa nguồn lực ngân sách.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ hai mươi thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2024./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28/2024/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

Về điều chỉnh chủ thể thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

*Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý Ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;*

*Xét Tờ trình số 7861/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Nghị quyết quy định trình tự cấp, điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 1333/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2024 của Ban Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này điều chỉnh chủ thể thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở đã được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8, Điều 28, 29 và khoản 3, 4 Điều 32 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để thực hiện thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoặc tham gia thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ trong các trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP.

### **Điều 3. Nội dung điều chỉnh chủ thể thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ**

1. Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền cấp, điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, không lấy ý kiến Bộ Công Thương, đối với các trường hợp sau:

a) Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (bao gồm cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini) được lập trong trung tâm thương mại và có diện tích dưới 500m<sup>2</sup>; cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất (không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini) có diện tích dưới 500m<sup>2</sup> đặt ngoài trung tâm thương mại.



b) Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất (không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini) có diện tích dưới 100m<sup>2</sup>, không nằm trong trung tâm thương mại và đã được Hội đồng Kiểm tra nhu cầu kinh tế của Thành phố thống nhất chấp thuận cấp phép.

c) Cấp điều chỉnh tăng diện tích đến dưới 500m<sup>2</sup> đối với cơ sở bán lẻ thứ nhất (không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini) đặt ngoài trung tâm thương mại.

d) Cấp điều chỉnh tăng diện tích đối với cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất (không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini) có diện tích dưới 100m<sup>2</sup>, không nằm trong trung tâm thương mại và đã được Hội đồng Kiểm tra nhu cầu kinh tế của Thành phố thống nhất chấp thuận.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thời hạn giải quyết

a) Thủ tục nêu điểm a khoản 1 Điều này: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

b) Thủ tục nêu điểm b khoản 1 Điều này: 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

c) Thủ tục nêu điểm c khoản 1 Điều này: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

d) Thủ tục nêu điểm a khoản 1 Điều này: 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

4. Các bộ phận khác cấu thành thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy phép thành lập cơ sở bán lẻ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch theo quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X Kỳ họp thứ hai mươi thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2024./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29/2024/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

Về chính sách hỗ trợ người sử dụng phương tiện vận tải hành khách  
công cộng bằng xe buýt, tàu điện và chính sách hỗ trợ kinh phí hoạt động  
vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tàu điện  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật  
ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09 tháng 12  
năm 2020;

Căn cứ Luật đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2012 của  
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người  
khuyết tật;

Căn cứ Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 quy định  
chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật người cao tuổi;



*Căn cứ nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 07 năm 2024 của Chính Phủ về thi điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Xét Tờ trình số 7667/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về dự thảo Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ người sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tàu điện và chính sách hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tàu điện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; báo cáo thẩm tra số 1317/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ giá vé cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tàu điện; quy định chính sách hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tàu điện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tàu điện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm:

- a) Người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;
- b) Người khuyết tật;
- c) Người cao tuổi;
- d) Trẻ em dưới 6 tuổi;

e) Người sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt của các tuyến xe buýt kết nối với tuyến đường sắt đô thị số 1, Bến Thành - Suối Tiên và hành khách sử dụng tàu điện, tuyến đường sắt đô thị số 1, Bến Thành - Suối Tiên trong thời gian được Thành phố hỗ trợ giá vé.

2. Đối tượng áp dụng chính sách hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tàu điện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm: Doanh nghiệp, Hợp tác xã thực hiện cung cấp dịch vụ vận tải công cộng bằng xe buýt và tàu điện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3. Mức hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng tàu điện**

1. Hỗ trợ 100% giá vé cho người có công với cách mạng; người khuyết tật; người cao tuổi; trẻ em dưới 6 tuổi. Mức hỗ trợ này đã bao gồm mức giảm giá vé cụ thể cho từng đối tượng (nếu có) theo quy định của pháp luật Trung ương hoặc do người có thẩm quyền quy định.

2. Hỗ trợ 100% giá vé cho hành khách sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng tàu điện tuyến đường sắt đô thị số 1, Bến Thành - Suối Tiên trong thời gian 30 ngày kể từ ngày tàu điện, tuyến đường sắt đô thị số 1, Bến Thành - Suối Tiên bắt đầu khai thác vận hành thương mại.

**Điều 4. Mức hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt**

1. Hỗ trợ 100% giá vé cho người có công với cách mạng; người khuyết tật; người cao tuổi; trẻ em dưới 6 tuổi.

2. Hỗ trợ 100% giá vé cho hành khách sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đối với các tuyến xe buýt kết nối tuyến đường sắt đô thị số 1, Bến Thành - Suối Tiên kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 cho đến ngày Thành phố kết thúc việc hỗ trợ 100% giá vé cho hành khách sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng tàu điện, tuyến đường sắt đô thị số 1, Bến Thành-Suối Tiên.

**Điều 5. Chính sách hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và tàu điện**

Ngân sách Thành phố hỗ trợ kinh phí đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tàu điện theo nguyên tắc hỗ trợ phần chênh lệch giữa doanh thu bán vé, doanh thu khác theo quy định và chi phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tàu điện (được xác định thông qua giá vận tải do cơ quan có thẩm quyền ban hành và một số chi phí liên quan khác).

**Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện**

Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách thành phố theo phân cấp ngân sách hiện hành.

**Điều 7. Hiệu lực thi hành**

1. Chính sách hỗ trợ người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Chính sách hỗ trợ người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng tàu điện và hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng tàu điện, tuyến đường sắt đô thị số 1, Bến Thành - Suối Tiên có hiệu lực từ ngày Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc miễn phí cho người cao tuổi từ 70 tuổi trở lên khi tham gia giao thông công cộng bằng hình thức xe buýt có trợ giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này đảm bảo công khai, minh bạch, tuân thủ

đúng quy định pháp luật, đảm bảo mục tiêu sử dụng ngân sách hiệu quả, tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của Thành phố, không để xảy ra trục lợi chính sách; chất lượng vận tải hành khách công cộng trên địa bàn Thành phố ngày càng được nâng cao.

b) Rà soát lại toàn bộ các Kết luận Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra đã ban hành có liên quan đến chính sách này và tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu, đảm bảo việc triển khai chính sách đúng quy định pháp luật.

c) Chỉ đạo các đơn vị liên quan rà soát, bố trí quỹ đất đã quy hoạch dành cho bến bãi xe buýt trên địa bàn Thành phố. Thực hiện rà soát tình trạng trùng lắp tuyến xe buýt để có giải pháp điều chỉnh kịp thời (nếu có).

d) Khẩn trương ban hành định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá đối với loại hình xe buýt điện; tổ chức rà soát, sửa đổi bộ đơn giá vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 30 ngày 08 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố phù hợp với quy định hiện hành.

e) Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác thẩm tra, quyết toán kinh phí trợ giá xe buýt theo đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X Kỳ họp thứ hai mươi thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2024/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Bãi bỏ Nghị quyết số 39/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quản lý và mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;*

*Xét Tờ trình số 7834/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về bãi bỏ Nghị quyết số 39/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quản lý và mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp; Báo cáo thẩm tra số 1328/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

#### **Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết**

Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 39/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quản lý và mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

#### **Điều 2. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ hai mươi thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2024/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định các lĩnh vực ưu tiên; tiêu chí, điều kiện, nội dung hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có thu nhập phát sinh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Thuế thu nhập cá nhân ngày 21 tháng 11 năm 2007; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân ngày 22 tháng 11 năm 2012;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2024/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định lãi vay, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán dự án đầu tư theo hợp đồng BT; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Xét Tờ trình số 7920/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các lĩnh vực ưu tiên; tiêu chí, điều kiện, nội dung hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có thu nhập phát sinh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp; Báo cáo thẩm tra số 1336/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định lĩnh vực ưu tiên; tiêu chí, điều kiện, nội dung hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có thu nhập phát sinh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Thành phố) để thực hiện miễn thuế thu nhập cá nhân, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 và Điều 13, Điều 14 Nghị định số 11/2024/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2024.



**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố.
2. Tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn Thành phố (sau đây gọi là tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo).
3. Tổ chức có khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố gồm:
  - a) Doanh nghiệp có đăng ký ngành, nghề đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp.
  - b) Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018.
4. Cá nhân có khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố.
5. Chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt (sau đây gọi là chuyên gia) làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố.
6. Cá nhân khởi nghiệp sáng tạo làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố.
7. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 3. Lĩnh vực ưu tiên**

1. Lĩnh vực Thương mại điện tử.
2. Lĩnh vực Công nghệ tài chính.
3. Lĩnh vực Logistic.
4. Lĩnh vực Công nghệ giáo dục.
5. Lĩnh vực Y tế và chăm sóc sức khỏe.
6. Lĩnh vực Nông nghiệp công nghệ cao.
7. Lĩnh vực Phát triển bền vững.
8. Lĩnh vực Chuyển đổi số.
9. Lĩnh vực An ninh mạng.

**Điều 4. Nội dung, tiêu chí hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo**

1. Nội dung, tiêu chí hoạt động của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm (hàng hóa hoặc dịch vụ) có ứng dụng công nghệ hoặc mô hình kinh doanh mới, đồng thời đáp ứng một trong các yêu cầu:



a) Được hình thành từ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp văn bằng bảo hộ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ hoặc được công nhận đăng ký quốc tế theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; chương trình máy tính đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả; giống vật nuôi mới, giống cây trồng mới, giống thủy sản mới, giống cây lâm nghiệp mới đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận.

b) Đạt giải tại các cuộc thi khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp Thành phố, quốc gia, quốc tế và các giải thưởng về khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về giải thưởng khoa học và công nghệ.

2. Nội dung, tiêu chí hoạt động của tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo là hoạt động cung cấp dịch vụ cho cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp,

doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo dưới một hoặc đồng thời các hình thức sau:

a) Cung cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật, máy móc, trang thiết bị để hoàn thiện ý tưởng kinh doanh, hoàn thiện công nghệ.

b) Cung cấp không gian làm việc chung, không gian trưng bày sản phẩm, tiện ích văn phòng phục vụ cho hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

c) Tư vấn, đào tạo, huấn luyện, ương tạo, đầu tư, hỗ trợ đầu tư, truyền thông, tổ chức sự kiện, cung cấp dịch vụ và nguồn lực cần thiết để phát triển mô hình kinh doanh, tiếp cận nguồn vốn đầu tư và các dịch vụ khác cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

**Điều 5. Điều kiện được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập phát sinh trên địa bàn Thành phố từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo**

1. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập phát sinh trên địa bàn Thành phố từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đăng ký thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp; có trụ sở chính trên địa bàn Thành phố.

b) Được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 trở về sau và chưa là công ty đại chúng.

- c) Hoạt động trong các lĩnh vực ưu tiên quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.
- d) Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thuộc khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này.
- đ) Có doanh thu hàng năm phát sinh từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn Thành phố trong các lĩnh vực ưu tiên đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu.

2. Tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập phát sinh trên địa bàn Thành phố từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đăng ký thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật; có trụ sở chính trên địa bàn Thành phố.
- b) Cung cấp dịch vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này.
- c) Có doanh thu hàng năm phát sinh từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn Thành phố trong các lĩnh vực ưu tiên đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu.

3. Các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ được áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo kê khai.

**Điều 6. Điều kiện được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố**

Tổ chức, cá nhân được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố phải đáp ứng các điều kiện sau:

- 1. Đối với tổ chức, cá nhân sáng lập doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo:
  - a) Có tên trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
  - b) Có thời gian tham gia vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tối thiểu 12 tháng.
- 2. Đối với tổ chức, cá nhân khác đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo:
  - a) Đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo chưa là công ty đại chúng.
  - b) Đầu tư không quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo sau khi nhận đầu tư.
  - c) Có thời gian đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tối thiểu 24 tháng.

**Điều 7. Điều kiện được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công**

- 1. Cá nhân khởi nghiệp sáng tạo được miễn thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là thành viên sáng lập, đồng sáng lập hoặc trong đội ngũ phát triển sản phẩm, dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

b) Có thu nhập phát sinh từ tiền lương, tiền công tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

2. Chuyên gia được miễn thuế thu nhập từ tiền lương phải đáp ứng các điều kiện:

a) Có trình độ từ đại học trở lên.

b) Có kinh nghiệm trong đào tạo, tư vấn, hỗ trợ về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ít nhất 02 năm.

c) Có tên trong danh sách chi trả lương hàng tháng của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

3. Chuyên gia được miễn thuế thu nhập từ tiền công phải đáp ứng các điều kiện:

a) Có trình độ từ đại học trở lên.

b) Có kinh nghiệm trong đào tạo, tư vấn, hỗ trợ về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ít nhất 02 năm.

c) Có hợp đồng tư vấn, đào tạo cho cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố.

## **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, tuân thủ đúng theo quy định pháp luật; thực hiện miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp của các cá nhân, tổ chức có khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội, hướng đến mục tiêu tiết kiệm, chống lãng phí, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của Thành phố, không để xảy ra trục lợi chính sách, không làm phát sinh thủ tục hành chính không cần thiết, đơn giản hóa các quy trình, thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân và doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo tiết kiệm thời gian, chi phí. Thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả của chính sách miễn thuế đối với hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để kịp thời điều chỉnh, đảm bảo chính sách đạt được mục tiêu thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ hai mươi thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/2024/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức chi đặc thù cho Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ;  
lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập trong các dự án đầu tư  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều về Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ  
quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ  
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ  
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5  
năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật  
Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25*

tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao;

Căn cứ Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên;

Căn cứ Quyết định số 33/2023/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư;

Xét Tờ trình số 7839/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ; lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập trong các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 1329/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị quyết quy định mức chi đặc thù cho Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ; lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập trong các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thuộc các trường hợp sau:

a) Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 và Điều 8 Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg.

b) Thẩm định hoặc có ý kiến công nghệ các dự án đầu tư quy định tại khoản 1, điểm a khoản 4 Điều 20 Luật Chuyển giao công nghệ.

c) Xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 4 Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg và điểm c khoản 11 Điều 27 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

d) Giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ của dự án đầu tư quy định tại khoản 4, 7 Điều 4 Quyết định số 33/2023/QĐ-TTg và khoản 6 Điều 28 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

## **2. Nghị quyết không điều chỉnh đối với các trường hợp**

a) Thăm định hoặc có ý kiến công nghệ các dự án đầu tư trong giai đoạn quyết định đầu tư; quy định tại điểm b khoản 4 Điều 20 Luật Chuyển giao công nghệ.

b) Dự án đầu tư được tiếp tục gia hạn thời hạn hoạt động quy định tại điểm c khoản 11 Điều 27 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

c) Kết quả giám định dẫn đến làm tăng nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước quy định tại khoản 6 Điều 28 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Cơ quan có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao; thăm định hoặc có ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư; xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên; giám định chất lượng và giá trị của máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư có sử dụng ngân sách Thành phố.



**Điều 3. Mức chi****1. Chi thù lao cho Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ***Đơn vị tính: đồng*

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
		01 Hội đồng/Dự án	
<b>a</b>	<b>Chi họp</b>		
	Chủ tịch Hội đồng		1.800.000
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.500.000
	Thư ký khoa học		300.000
	Thư ký hành chính		300.000
	Đại biểu được mời tham dự		200.000
<b>b</b>	<b>Chi nhận xét đánh giá</b>	Phiếu nhận xét đánh giá/Hội đồng/Dự án	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		700.000
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		1.000.000

**2. Chi lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập**

Dự toán chi lấy ý kiến đối với 01 tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập được tính bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền họp của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tại khoản 1 Điều này.

**Điều 4. Nguồn kinh phí**

Kinh phí chi cho Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ; lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập trong các dự án đầu tư được bảo đảm từ nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ của Thành phố.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố đảm bảo công khai, minh bạch tuân thủ đúng theo quy định pháp luật; trong quá trình triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng hoạt động của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, ý kiến của chuyên gia tư vấn; đồng thời hướng tới mục tiêu sử dụng ngân sách hiệu quả, tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của Thành phố.



2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ hai mươi thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2024./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/2024/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thù lao hàng tháng và mức hỗ trợ đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy năm 2021;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;*

*Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;*

*Xét Tờ trình số 7677/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định mức thù lao hàng tháng và mức hỗ trợ đối với cho người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 1318/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về mức thù lao hàng tháng và mức hỗ trợ đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 2. Mức chi thù lao hàng tháng và mức chi hỗ trợ**

1. Chi thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp xã: mức chi 0,6 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng.

2. Chi hỗ trợ cho người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã theo phân công của Chủ

tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: mức chi 0,6 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng.

**Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện**

Nguồn ngân sách Nhà nước đảm bảo theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, Tổ Đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2024.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố Quy định về chính sách hỗ trợ đối với người theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng của Tổ công tác cai nghiện ma túy do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ hai mươi thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34/2024/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

**Bãi bỏ Nghị quyết số 47/2006/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng nhân dân Thành phố về thực hiện một số chế độ, chính sách đối với người sau cai nghiện ma túy tại cơ sở chữa bệnh của Thành phố**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;*

*Xét Tờ trình số 7632/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 1312/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:****Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết**

Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 47/2006/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng nhân dân Thành phố về thực hiện một số chế độ, chính sách đối với người sau cai nghiện ma túy tại cơ sở chữa bệnh của Thành phố.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ hai mươi thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2024./.

**CHỦ TỊCH****Nguyễn Thị Lệ**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35/2024/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số chính sách khuyến khích giáo viên, học sinh, học viên đoạt giải trong các kỳ thi cấp thành phố, quốc gia, khu vực, quốc tế và giáo viên có thành tích đào tạo, bồi dưỡng các học sinh, học viên đoạt các giải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;



*Căn cứ Nghị định 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.*

*Xét Tờ trình số 7612/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số chính sách khuyến khích giáo viên, học sinh, học viên đoạt giải trong các kỳ thi cấp thành phố, quốc gia, khu vực, quốc tế và giáo viên có thành tích đào tạo, bồi dưỡng các học sinh, học viên đoạt các giải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 1291/BC-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số chính sách khuyến khích giáo viên, học sinh, học viên đoạt giải trong các kỳ thi cấp thành phố, quốc gia, khu vực, quốc tế và giáo viên có thành tích đào tạo, bồi dưỡng các học sinh, học viên đoạt các giải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

#### **1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2**

#### **“Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Học sinh, học viên đoạt giải trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố tổ chức hoặc cử tham dự.

2. Giáo viên đoạt giải trong các kỳ thi do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố tổ chức hoặc cử tham dự; giáo viên có thành tích đào tạo, bồi dưỡng học sinh, học viên đoạt giải quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết.”

#### **2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3**

#### **“Điều 3. Mức khuyến khích**

##### **1. Mức chi đối với học sinh, học viên**

a) Học sinh, học viên đoạt giải trong các kỳ thi Olympic quốc tế các môn học, cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật quốc tế và tương đương được hưởng theo mức sau:

Huy chương Vàng (giải Nhất): 200.000.000 đồng;

Huy chương Bạc (giải Nhì): 160.000.000 đồng;

Huy chương Đồng (giải Ba): 120.000.000 đồng;

Giải Khuyến khích (giải Tư): 50.000.000 đồng.

b) Học sinh, học viên đoạt giải trong các kỳ thi Olympic khu vực các môn học, cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật khu vực và tương đương được hưởng theo mức sau:

Huy chương Vàng (giải Nhất): 120.000.000 đồng;

Huy chương Bạc (giải Nhì): 90.000.000 đồng;

Huy chương Đồng (giải Ba): 75.000.000 đồng;

Giải Khuyến khích (giải Tư): 30.000.000 đồng.

c) Học sinh, học viên đoạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi, cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật và cuộc thi học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp cấp quốc gia được hưởng theo mức sau:

Huy chương Vàng (giải Nhất): 50.000.000 đồng;

Huy chương Bạc (giải Nhì): 40.000.000 đồng;

Huy chương Đồng (giải Ba): 30.000.000 đồng;

Giải Khuyến khích (giải Tư): 20.000.000 đồng.

d) Học sinh, học viên đoạt Huy chương Vàng (giải Nhất) trong các kỳ thi học sinh giỏi, cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật và cuộc thi học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp cấp Thành phố được hưởng theo mức sau:

Cấp Tiểu học: 5.000.000 đồng;

Cấp Trung học cơ sở (Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên): 10.000.000 đồng;

Cấp Trung học phổ thông (Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên): 12.000.000 đồng.

đ) Học sinh, học viên đoạt giải trong các cuộc thi, hội thi thể dục, thể thao và văn hóa, văn nghệ cấp quốc gia được hưởng theo mức sau:

Huy chương Vàng (Nhất): 7.500.000 đồng;

Huy chương Bạc (Nhì): 5.000.000 đồng;

Huy chương Đồng (Ba): 3.500.000 đồng;

Giải Khuyến khích (giải Tư): 2.000.000 đồng.

e) Đội, nhóm học sinh, học viên (từ 02 thành viên trở lên) đoạt giải trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này được hưởng mức tiền gấp hai lần đối với cá nhân.

g) Học sinh, học viên là người dân tộc thiểu số hoặc là người khuyết tật đoạt giải trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này được hưởng 1,5 lần mức chi quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

h) Trường hợp học sinh, học viên vừa là người dân tộc thiểu số vừa là người khuyết tật đoạt giải trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này được hưởng 02 lần mức tiền thưởng quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

2. Mức tiền chi đối với giáo viên

a) Giáo viên đoạt giải trong các kỳ thi quốc tế:

Huy chương Vàng (giải Nhất): 200.000.000 đồng;

Huy chương Bạc (giải Nhì): 160.000.000 đồng;

Huy chương Đồng (giải Ba): 120.000.000 đồng;

Giải Khuyến khích (giải Tư) : 50.000.000 đồng.

b) Giáo viên đoạt giải trong các kỳ thi khu vực:

Huy chương Vàng (giải Nhất): 120.000.000 đồng;

Huy chương Bạc (giải Nhì): 90.000.000 đồng;

Huy chương Đồng (giải Ba): 75.000.000 đồng;

Giải Khuyến khích (giải Tư): 30.000.000 đồng.

c) Giáo viên đoạt giải trong các kỳ thi quốc gia:

Huy chương Vàng (giải Nhất): 50.000.000 đồng;

Huy chương Bạc (giải Nhì): 40.000.000 đồng;

Huy chương Đồng (giải Ba): 30.000.000 đồng;

Giải Khuyến khích (giải Tư): 20.000.000 đồng.

d) Giáo viên đoạt Huy chương Vàng (giải Nhất) trong các kỳ thi cấp Thành phố: 12.000.000 đồng.

đ) Đội, nhóm giáo viên (từ 02 thành viên trở lên) đoạt giải trong các kỳ thi quy định tại Điểm a, b, c, d Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này được hưởng mức tiền gấp hai lần đối với cá nhân.

e) Giáo viên có thành tích đào tạo, bồi dưỡng học sinh, học viên đoạt giải trong các kỳ thi:

Giáo viên trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng học sinh, học viên đoạt giải được hưởng theo nguyên tắc bằng 70% mức chi khuyến khích theo giải của học sinh, học viên.

Tập thể các giáo viên cùng tham gia đào tạo, bồi dưỡng học sinh, học viên được hưởng theo nguyên tắc bằng 30% mức chi khuyến khích của giáo viên trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng học sinh, học viên đoạt giải.”.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp hai mươi thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2024./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng